

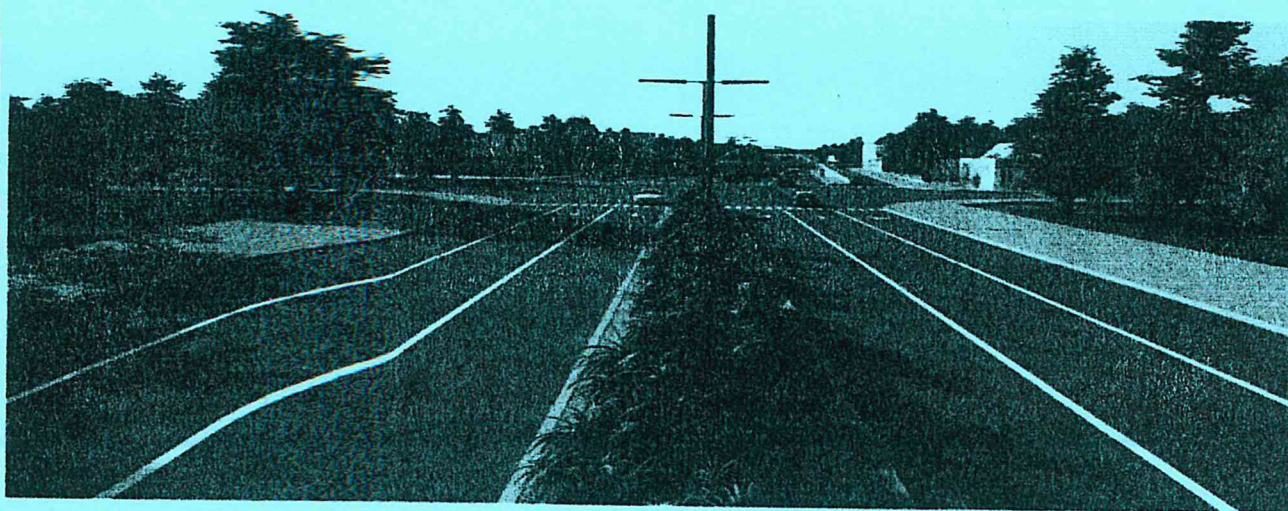
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC



**NHIỆM VỤ KHẢO SÁT, LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU
TIỀN KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG**

DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP TUYẾN QUỐC LỘ 29
ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN TỈNH

ĐỊA ĐIỂM: CÁC PHƯỜNG, XÃ Dọc TUYẾN QUỐC LỘ 29 - TỈNH ĐẮK LẮK



**BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐTXD
KHU VỰC PHÍA ĐÔNG TỈNH ĐẮK LẮK**

THẨM ĐỊNH

Theo văn bản số: 01-QL/29 BCTĐ-QLDA3

Ngày 26 tháng 3 năm 2026



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN THIẾT KẾ VÀ XDGT 4
Địa chỉ: Số 75, đường Phan Kính, P. Trường Vinh, tỉnh Nghệ An
Điện thoại/Fax: 02383.838.777 - Email: Teccno4@gmail.com

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
ĐỘC LẬP - TỰ DO - HẠNH PHÚC



NHIỆM VỤ KHẢO SÁT, LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP TUYẾN QUỐC LỘ 29
ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN TỈNH

ĐỊA ĐIỂM: CÁC PHƯỜNG, XÃ Dọc TUYẾN QUỐC LỘ 29 - TỈNH ĐẮK LẮK

ĐƠN VỊ LẬP

CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
THIẾT KẾ VÀ XDGT 4



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Sơn

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP BC ĐXCĐT
BAN QUẢN LÝ CÁC DỰ ÁN ĐTXD KHU
VỰC PHÍA ĐÔNG



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC
Nguyễn Khoa Khanh

MỤC LỤC

PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN	2
I.1. Giới thiệu chung	2
I.2. Thông tin chung về dự án	3
I.3. Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật và phạm vi đầu tư:	3
I.3.1. Phạm vi dự án	3
I.3.2. Nhóm Dự án và loại, cấp công trình	4
I.3.3. Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật	4
I.3.4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 7.100 tỷ đồng (Bảy ngàn, một trăm tỷ đồng);	8
I.3.5. Quyết định đầu tư: UBND tỉnh Đắk Lắk.	8
I.3.6. Tiến độ thực hiện: năm 2026-2030;	8
PHẦN II: CÁC CĂN CỨ THỰC HIỆN	9
II.1. Luật, nghị định, thông tư hướng dẫn	9
II.2. Các quy hoạch liên quan	11
PHẦN III: NỘI DUNG NHIỆM VỤ KHẢO SÁT VÀ CÁC CÔNG VIỆC GIAI ĐOẠN LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI	13
III.1. Khái quát các công việc chuẩn bị để lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	13
III.2. Nội dung chi tiết:	13
III.2.1. Công việc khảo sát xây dựng giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:	13
III.2.2. Công việc giám sát khảo sát giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi	28
III.2.3. Công việc lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:	29
III.2.4. Công việc thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:	31
III.3. DỰ TOÁN CHI PHÍ THỰC HIỆN:	32
III.3.1. Căn cứ lập dự toán	32
III.3.2. Dự toán chi phí	Error! Bookmark not defined.
III.4. Kết luận, kiến nghị	34

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN
THIẾT KẾ VÀ XDGT 4**

-----oOo-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

-----oOo-----

Nghệ An, ngày ... tháng....năm 2026

NHIỆM VỤ KHẢO SÁT, LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG

DỰ ÁN: CẢI TẠO, NÂNG CẤP TUYẾN QUỐC LỘ 29 ĐOẠN QUA ĐỊA BÀN TỈNH



PHẦN I: THÔNG TIN CHUNG DỰ ÁN

I.1. Giới thiệu chung

Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 là cơ sở cho việc triển khai các mục tiêu quốc gia của đất nước đã mang lại hiệu quả to lớn trong việc đầu tư cơ sở hạ tầng giao thông góp phần quan trọng trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và là cơ sở để triển khai thực hiện các quy hoạch, dự án có liên quan. Để bảo đảm tính khả thi trong triển khai quy hoạch, tính thống nhất giữa kế hoạch thực hiện của lĩnh vực đường bộ với các lĩnh vực giao thông khác (đường sắt, đường biển, đường thủy nội địa, hàng không), cũng như quản lý quỹ đất đường bộ, huy động vốn đầu tư để tiếp tục hoàn thiện mạng lưới đường bộ cần thực hiện quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành trong lĩnh vực đường bộ để cụ thể hóa quy hoạch mạng lưới đường bộ.

Quốc lộ 29 theo Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2050 đi qua 2 tỉnh thành phố gồm Phú Yên (nay thuộc tỉnh Đắk Lắk) và Đắk Lắk với mục tiêu kết nối các các tỉnh Tây Nguyên ra phía Đông và các địa phương khác trong vùng, phát huy hiệu quả đầu tư đối với các dự án đã và đang được đầu tư, tạo không gian phát triển mới, khai thác tiềm năng sử dụng đất, xây dựng hệ thống đô thị bền vững, hiện đại; góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước theo Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng.

Hiện trạng tuyến Quốc lộ 29 là tuyến giao thông quốc gia dài 284,16 km, nối liền cảng Vũng Rô (Phú Yên) với thị xã Buôn Hồ (Đắk Lắk). Tuyến đường được hình thành từ việc nâng cấp các tỉnh lộ cũ, hiện đóng vai trò huyết mạch trong việc kết nối Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ, thúc đẩy giao thương nông sản, phát triển kinh tế - xã hội và

đảm bảo quốc phòng – an ninh. Mặc dù đã được khai thác nhiều năm, tuyến đường hiện nay đang quá tải và cần sớm được mở rộng để đáp ứng nhu cầu phát triển bền vững của khu vực.

Trước đó, Bộ Giao thông vận tải (nay là Bộ Xây dựng) đã nghiên cứu lập Dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 29 đoạn qua tỉnh Đắk Lắk vào năm 2020. Tuy nhiên, do kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025 của Bộ được phân bổ hạn hẹp, ngoài điều chỉnh giảm phân bổ lại cho địa phương, nguồn lực còn lại tập trung cho các dự án động lực quan trọng, cấp bách theo chỉ đạo của Quốc hội và Chính phủ nên chưa thể cân đối để thực hiện thêm các dự án mới, trong đó bao gồm cả Quốc lộ 29.

Tuyến Quốc lộ 29 được đầu tư xây dựng mang vai trò liên kết vùng, tạo liên kết nhanh về giao thông, đặc biệt kết nối vùng Tây Nguyên ra các tỉnh, khu kinh tế duyên hải Nam Trung Bộ, là cửa ngõ kết nối vùng Tây Nguyên với biển. Tuyến đường khi khép kín tạo mạng lưới giao thông liên mạch nối qua các cao tốc, quốc lộ, sân bay... góp phần phát triển kinh tế, xã hội vùng, tạo điều kiện để địa phương chuyển đổi cơ cấu theo hướng đô thị hoá và công nghiệp hoá, tạo đà cho các hoạt động thương mại và dịch vụ, lưu thông hàng hoá, tạo động lực để thu hút vốn đầu tư vào khu vực nhằm đẩy mạnh tốc độ phát triển kinh tế, nâng cao trình độ văn hoá, khai thác các tiềm năng và lợi thế của khu vực, góp phần vào sự tăng trưởng kinh tế chung của cả nước.

I.2. Thông tin chung về dự án

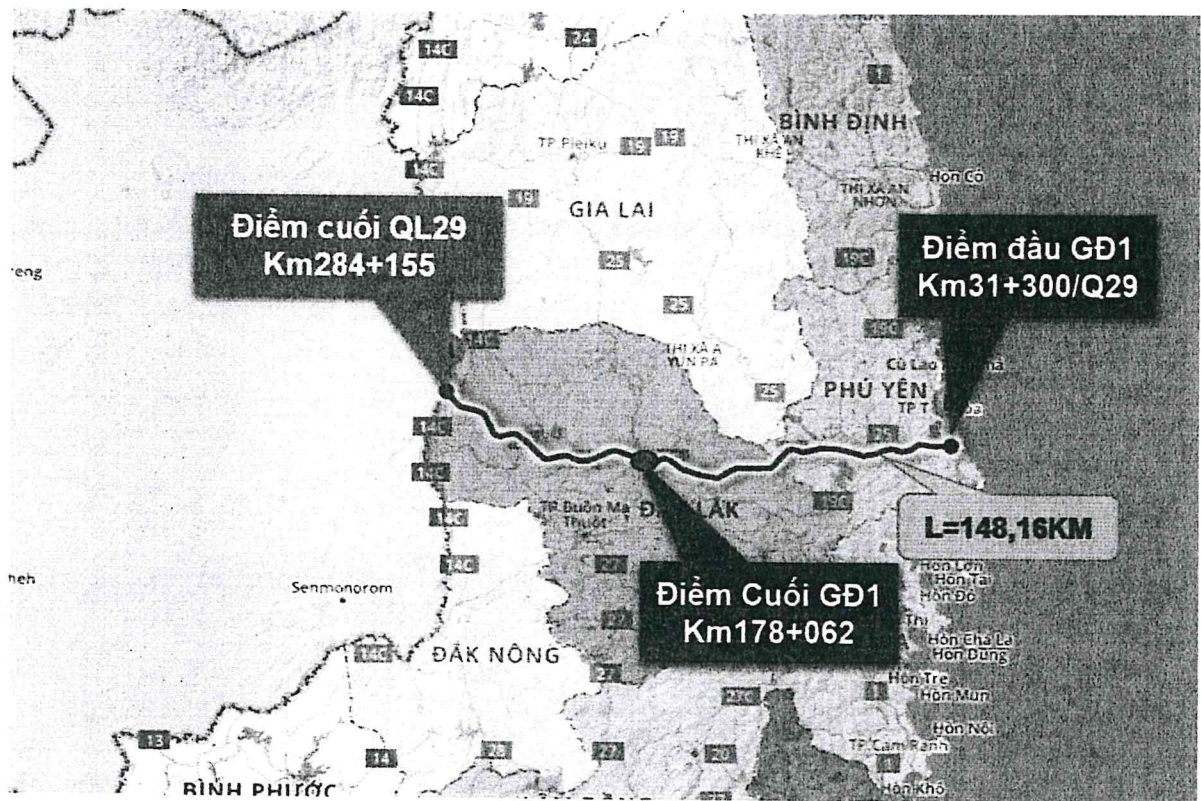
- **Tên dự án:** Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 29 đoạn qua địa bàn tỉnh.
- **Địa điểm thực hiện dự án:** các phường: Đông Hòa, Buôn Hồ; các xã: Tây Hòa, Sơn Thành, Đức Bình, Sông Hinh, Ea Bá, Ea Ly, Cư Prao, Ea Knốp, Phú Xuân, Tam Giang, Krông Năng, Pong Drang.
- **Dự án nhóm:** Dự án nhóm A;
- **Mục tiêu:** Tăng cường khả năng kết nối với mạng lưới giao thông liên vùng, phù hợp với các quy hoạch, đáp ứng nhu cầu vận tải ngày càng tăng trong việc kết nối Tây Nguyên với duyên hải Nam Trung Bộ, đảm bảo an toàn giao thông, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội và giữ vững quốc phòng – an ninh. Tuyến đường huyết mạch này không chỉ giúp nông sản Tây Nguyên đến cảng biển nhanh hơn, giảm chi phí vận chuyển, mở ra cơ hội phát triển du lịch, dịch vụ và công nghiệp chế biến góp phần đưa Tây Nguyên và duyên hải Nam Trung Bộ phát triển bền vững.

I.3. Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật và phạm vi đầu tư:

I.3.1. Phạm vi dự án

- **Điểm đầu:** Km31+300, giao với Quốc lộ 1 (Km1342+200) thuộc phường Đông Hòa, tỉnh Đắk Lắk.

- Điểm cuối: Km178+062, giao với Quốc lộ 14 (Km1737+000) thuộc phường Buon Hồ, tỉnh Đắk Lắk.
- Tổng chiều dài tuyến là 147,83 Km. Trên toàn tuyến có khoảng 20 vị trí cầu.



Vị trí tổng thể dự án

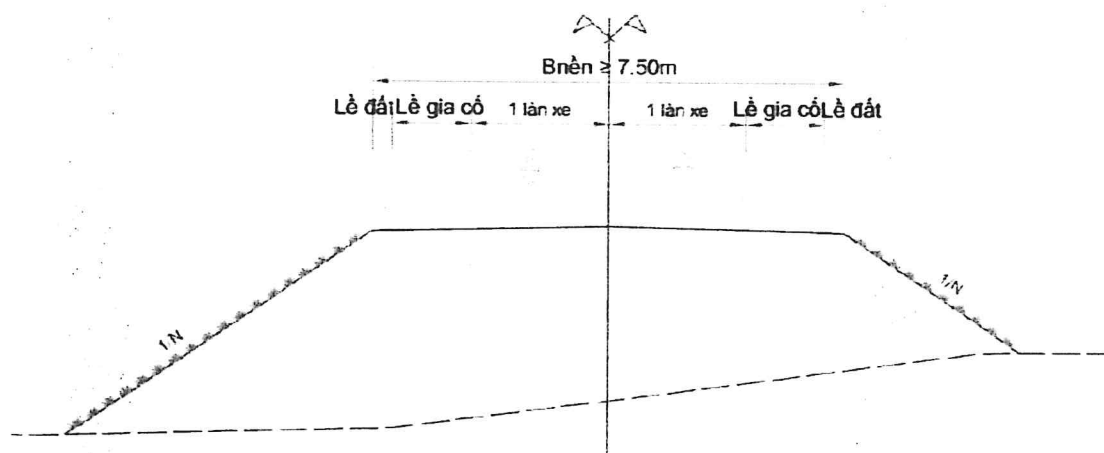
I.3.2. Nhóm Dự án và loại, cấp công trình

- Nhóm Dự án: Dự án nhóm A.
- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông, cấp II.

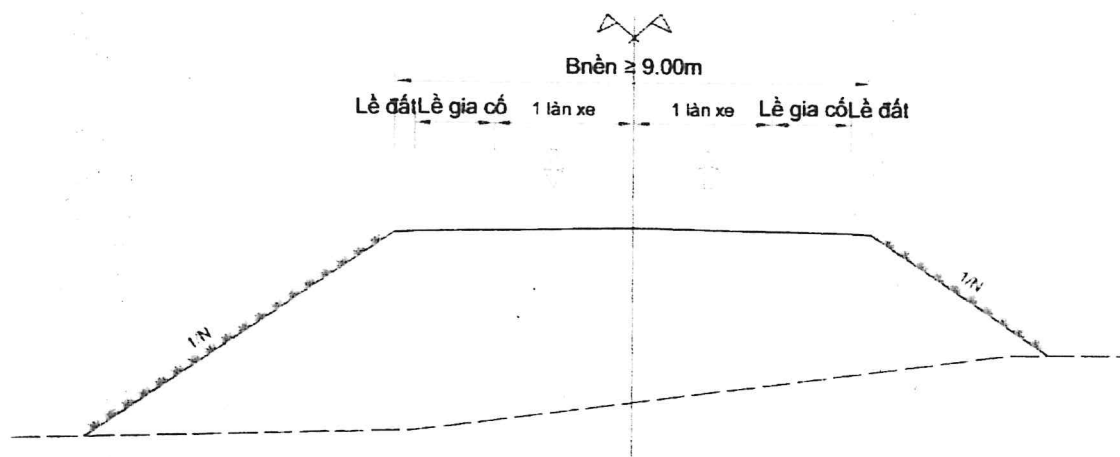
I.3.3. Quy mô, tiêu chuẩn kỹ thuật

- **Phân tuyến:** theo quy hoạch được duyệt tại Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30 tháng 12 năm 2025 về việc phê duyệt quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 của Bộ Xây dựng, quy mô Quốc lộ 29 là đường ô tô cấp III – IV, 2 - 4 làn xe, cụ thể như sau:
 - + Đoạn từ cảng Vũng Rô đến đường cao tốc Bắc - Nam phía Đông: 4 làn xe;
 - + Đoạn từ đường cao tốc Bắc – Nam phía Đông đến cửa khẩu Đăk Ruê: 2 làn xe;
- Mặt cắt ngang điển hình quy hoạch của tuyến Quốc lộ 29 như sau:

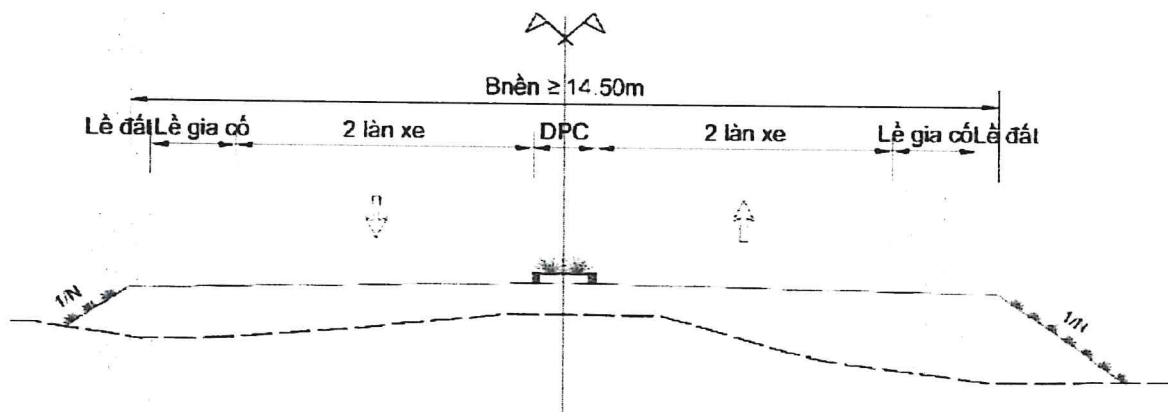
Mặt cắt ngang tối thiểu đối với đường cấp IV – Miền núi, 2 làn xe



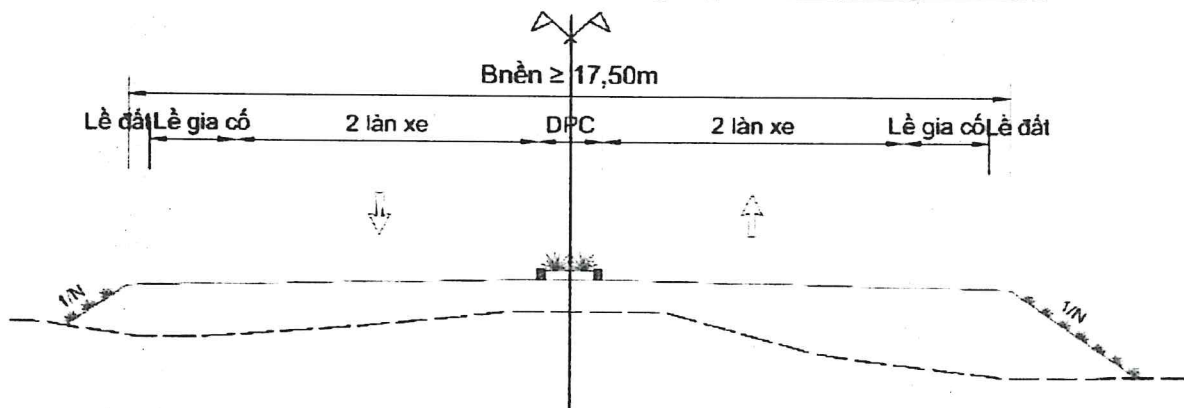
Mặt cắt ngang tối thiểu đối với đường cấp IV-Đồng bằng, 2 làn xe



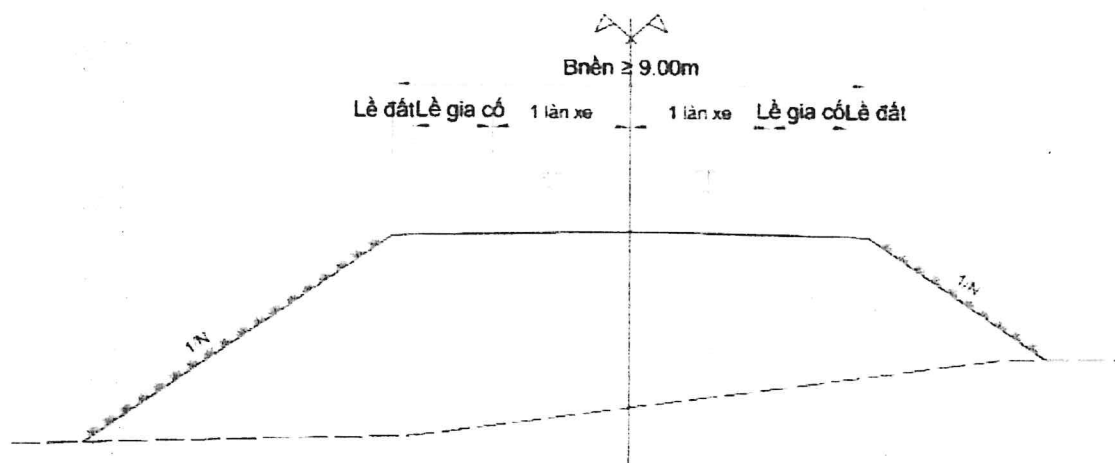
Mặt cắt ngang tối thiểu đối với đường cấp IV-Miền núi, 4 làn xe



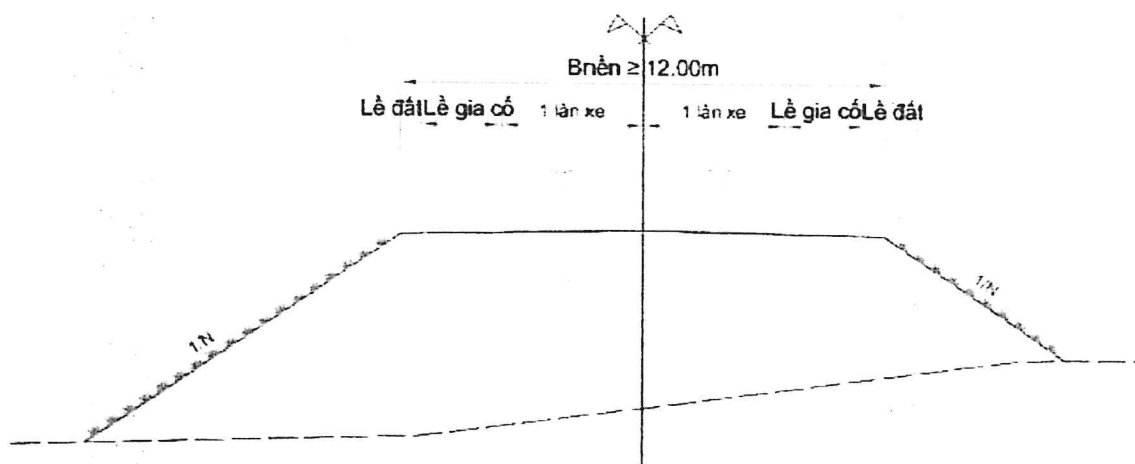
Mặt cắt ngang tối thiểu đối với đường cấp IV-Đồng bằng, 4 làn xe



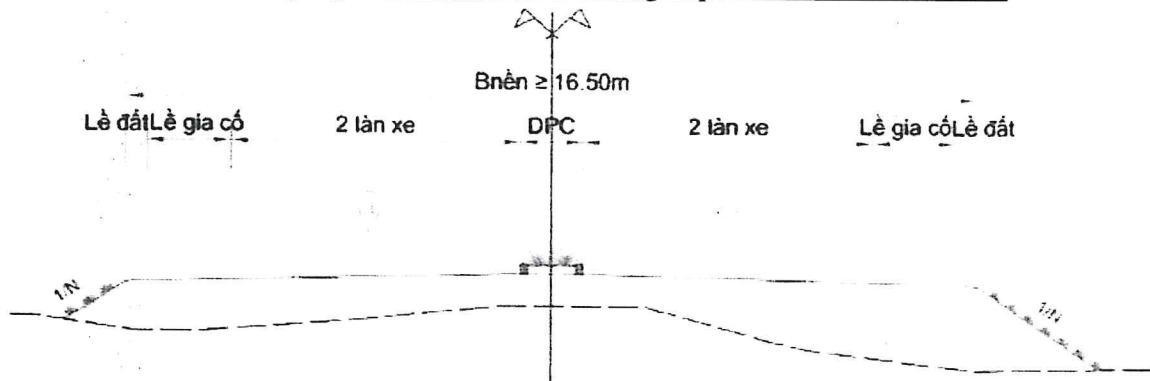
Mặt cắt ngang tối thiểu đối với đường cấp III-Miền núi, 2 làn xe



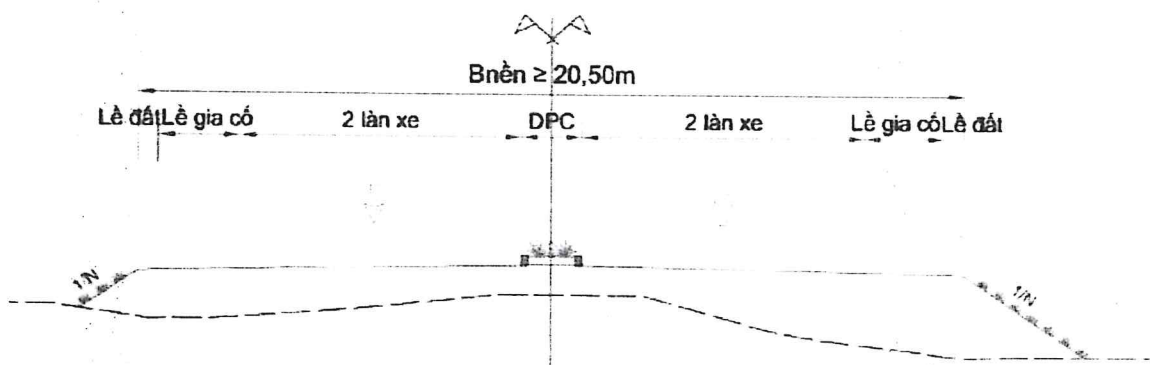
Mặt cắt ngang tối thiểu đối với đường cấp III-Đồng bằng, 2 làn xe



Mặt cắt ngang tối thiểu đối với đường cấp III-Miền núi, 4 làn xe



Mặt cắt ngang tối thiểu đối với đường cấp III-Đồng bằng, 4 làn xe



- + Quy mô dự kiến của tuyến được xác định là quy mô tối thiểu trên toàn đoạn tuyến theo quy hoạch. Đối với các đoạn tuyến qua khu vực đô thị, các đoạn tuyến cục bộ qua khu vực đông dân cư hoặc đoạn tuyến có quy mô hiện trạng lớn hơn quy mô xác định trong quy hoạch, khi đó quy mô đoạn tuyến được xác định theo quy mô của quy hoạch khác có liên quan, theo quy mô hiện trạng đoạn tuyến hoặc theo tính toán chi tiết sau khi có số liệu khảo sát trong quá trình chuẩn bị đầu tư dự án.
- + Tiêu chuẩn kỹ thuật (cấp đường) cụ thể sẽ được xác định sau khi có số liệu khảo sát trong quá trình chuẩn bị đầu tư trên cơ sở số liệu chi tiết bảo đảm phù hợp với quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật.

- **Phần cầu:** Công trình cấp III

Bố trí các yếu tố tương đương với mặt cắt ngang phần tuyến.

- + Các vị trí bố trí công trình chính trên tuyến theo hiện trạng dự kiến như sau:

STT	Tên cầu	Lý trình	Tên sông, suối (vượt)
1	Cầu Bầu Bèo	Km30+240,5	Kênh Bầu Bèo
2	Cầu Gò Mắm	Km39+766	Kênh thủy lợi
3	Cầu Đồng Bò	Km51+235	Sông Đồng Bò

Nhiệm vụ khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng

Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 29 đoạn qua địa bàn tỉnh

STT	Tên cầu	Lý trình	Tên sông, suối (vượt)
4	Cầu Lạc Mỹ	Km55+261	Qua kênh
5	Cầu Suối Bà	Km62+930	Sông Nhau
6	Cầu Bà Sao	Km65+463	Suối
7	Cầu Sông Nhau	Km67+179	Sông Nhau
8	Cầu Suối Bửu	Km69+107	Suối Bửu
9	Cầu Sông Hình	Km77+885	Sông Hình
10	Cầu Ea Xá	Km95+909	Suối Ea Xá
11	Cầu EaBar	Km101+845	Suối EaBar
12	Cầu Ea Ly	Km107+931	Suối EaLy
13	Cầu Ea Đrông Ren	Km111+414	Suối Đrông Ren
14	Thủy điện Krông H' năng	Km112+129	Cầu vượt sông
15	Cầu Km134+680	Km134+680	Cầu vượt sông
16	Cầu Km137+166	Km137+166	Cầu vượt sông
17	Cầu Km149+739	Km149+739	Cầu vượt sông
18	Krông Năng	Km162+161	Cầu vượt sông
19	Buôn Wiao	Km164+575	Cầu vượt sông
20	Rô Sy	Km175+775	Cầu vượt sông

- **Nút giao:** Thiết kế điều chỉnh quy mô các nút giao trên tuyến phù hợp với quy mô mở rộng Quốc lộ 29, đáp ứng nhu cầu lưu thông.
- **Công trình thoát nước ngang đường:** Trên toàn tuyến dự kiến khoảng 295 vị trí cống thoát nước ngang đường. Các cống thoát nước ngang được tận dụng, xây dựng nối dài từ các cống hiện hữu. Riêng các đoạn chỉnh tuyến sẽ bổ sung thêm sau khi có số liệu khảo sát.
- **Hệ thống an toàn giao thông và các hạng mục phụ trợ khác:**
 - + Hệ thống an toàn giao thông và công trình phụ trợ: Xây dựng hoàn chỉnh hệ thống an toàn giao thông đường bộ và đường thủy theo QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ và QCVN 31:2020/BGTVT Quy chuẩn quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa Việt Nam và các quy định hiện hành.
 - + Hệ thống cây xanh, chiếu sáng tại các vị trí đoạn tuyến phù hợp, đảm bảo mỹ quan và an toàn trong quá trình khai thác.

I.3.4. Tổng mức đầu tư dự kiến: 7.100 tỷ đồng (Bảy ngàn, một trăm tỷ đồng);

I.3.5. Quyết định đầu tư: UBND tỉnh Đắk Lắk.

I.3.6. Tiến độ thực hiện: năm 2026-2030;

PHẦN II: CÁC CĂN CỨ THỰC HIỆN

II.1. Luật, nghị định, thông tư hướng dẫn

- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;
- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23/6/2023;
- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;
- Luật Đường bộ số 35/2024/QH15 ngày 27/6/2024;
- Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15 ngày 27/6/2024;
- Luật số 57/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư và Luật Đấu thầu;
- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Luật đất đai ngày 18 tháng 01 năm 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Luật Nhà ở số 27/2023/QH15, Luật Kinh doanh bất động sản số 29/2023/QH15 và Luật Các tổ chức tín dụng số 32/2024/QH15 ngày 29 tháng 6 năm 2024;
- Luật địa chất khoáng sản số 54/2024/QH15 ngày 29/11/2024;
- Nghị định số 06/2021/NĐ-CP ngày 26/01/2021 của Chính phủ về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;
- Nghị định 102/2024/NĐ-CP ngày 30/7/2024 của Chính phủ về Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai;
- Nghị định số 193/2025/NĐ-CP ngày 02/7/2025 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật địa chất và khoáng sản;
- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 09/02/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ về quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; số 05/2025/NĐ-CP này 06/01/2025 V/v sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022; số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 V/v sửa đổi một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP này 06/01/2025;

- Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
- Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng;
- Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu;
- Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công; số 275/2025/NĐ-CP ngày 18/10/2025 V/v sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08/4/2025;
- Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng ban hành định mức xây dựng;
- Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
- Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 28/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định dự án đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 27/2023/TT-BTC ngày 12/5/2023 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí thẩm định thiết kế kỹ thuật, phí thẩm định dự toán xây dựng;
- Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng về sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng;
- Thông tư số 02/2025/TT-BXD ngày 31/3/2025 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 06/2021/TT-BXD ngày 30/6/2021 của Bộ trưởng Bộ

Xây dựng quy định về phân cấp công trình xây dựng và hướng dẫn áp dụng trong quản lý hoạt động đầu tư xây dựng;

II.2. Các quy hoạch liên quan

- Quyết định số 1454/QĐ-TTg ngày 01/9/2021 về việc phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 03/1/2025 phê duyệt điều chỉnh quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Quyết định 543/QĐ-BGTVT ngày 21/03/2018 về việc ban hành hướng dẫn về yêu cầu chung đối với công tác điều tra, khảo sát lưu lượng, tải trọng và dự báo giao thông phục vụ công tác lập dự án đầu tư xây dựng công trình giao thông đường bộ;
- Quyết định số 1769/QĐ-BGTVT ngày 19/10/2021 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch phê duyệt mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1829/QĐ-TTg ngày 31/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050; Quyết định số 1587/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1579/QĐ-TTg ngày 22/09/2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050; Quyết định số 442/QĐ-TTg ngày 22/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng biển Việt Nam thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 648/QĐ-TTg ngày 07/6/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống cảng hàng không, sân bay toàn quốc thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 377/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Tây Nguyên thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1746/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Phú Yên thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1747/QĐ-TTg ngày 30/12/2023 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Quy hoạch tỉnh Đắk Lắk thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 2470/QĐ-BXD ngày 30/12/2025 phê duyệt Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.
- Văn bản số 2190/SXD-PTHT ngày 28/9/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk về việc rà soát, đánh giá danh mục dự án dự kiến khởi công mới có tính động lực, có tính lan tỏa, liên kết vùng và liên vùng, thúc đẩy kinh tế - xã hội của tỉnh trong kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2026-2030;
- Văn bản 0204/BC-UBND ngày 10/11/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đắk Lắk về Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025 và dự kiến kế hoạch Đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030.
- Căn cứ Thông báo số 57/TB-UBND của UBND tỉnh Đắk Lắk 12/02/2026 V/v giao nhiệm vụ cho Ban Quản lý các dự án đầu tư xây dựng Khu vực phía Đông tỉnh lập Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư các dự án;
- Các văn bản liên quan khác

PHẦN III: NỘI DUNG NHIỆM VỤ KHẢO SÁT VÀ CÁC CÔNG VIỆC GIAI ĐOẠN LẬP BÁO CÁO NGHIÊN CỨU TIỀN KHẢ THI

III.1. Khái quát các công việc chuẩn bị để lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

- Công việc lập đề cương nhiệm vụ khảo sát xây dựng, dự toán các công việc chuẩn bị lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.
- Công việc khảo sát giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.
- Công việc giám sát công tác khảo sát xây dựng.
- Công việc lập E-HSMT và đánh giá E-HSDT gói thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.
- Công việc thẩm định E-HSMT, kết quả lựa chọn nhà thầu tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.
- Công việc lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.
- Công việc thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

III.2. Nội dung chi tiết:

III.2.1. Công việc khảo sát xây dựng giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:

III.2.1.1 Phạm vi công việc:

Thực hiện công tác khảo sát, thu thập các số liệu địa hình theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định hiện hành.

III.2.1.2 Mục đích khảo sát:

Mục đích của công tác khảo sát nhằm thu thập các số liệu địa hình, thủy văn công trình, các công trình hiện hữu, các công trình ngầm, hiện trạng giao thông,... tuân thủ theo các quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng, đảm bảo số liệu cho công tác lập BCNCTKT.

III.2.1.3 Phạm vi khảo sát

- Điểm đầu: Km31+300, giao với Quốc lộ 1 (Km1342+200) thuộc phường Đông Hòa, tỉnh Đắk Lắk.
- Điểm cuối: Km178+062, giao với Quốc lộ 14 (Km1737+000) thuộc phường Buôn Hồ, tỉnh Đắk Lắk.
- Tổng chiều dài tuyến là 147,83 Km. Trên toàn tuyến có khoảng 20 vị trí cầu.

III.2.1.4 Quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng:

STT	TÊN QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
A	Quy chuẩn	
1.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	QCVN 04:2009/BTNMT

Nhiệm vụ khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng**Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 29 đoạn qua địa bàn tỉnh**

STT	TÊN QUY CHUẨN, TIÊU CHUẨN	MÃ HIỆU
2.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
3.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về bản đồ địa hình Quốc gia tỷ lệ 1:2.000, 1:5.000	QCVN 72:2023/BTNMT
4.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
5.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường thủy nội địa	QCVN 39:2020/BGTVT
6.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07:2023/BXD
7.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về xây dựng công trình đảm bảo người khuyết tật tiếp cận sử dụng	QCVN 10:2014/BXD
8.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về số liệu các điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2022/BXD
9.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về thép làm cốt bê tông	QCVN 07:2019/BKHCN
10.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông	QCVN 33:2019/BTTTT
11.	Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng	QCVN 03:2022/BXD
B	Tiêu chuẩn khảo sát xây dựng	
12.	Khảo sát xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
13.	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
14.	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN 9398:2012
15.	Kỹ thuật đo và xử lý số liệu GNSS trong trắc địa công trình	TCVN 9401:2024
16.	Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở nền địa lý tỷ lệ 1/500, 1/1000, 1/2000, 1/5000	Thông tư số 68/2015/TT-BTNMT ngày 22/12/2015
17.	Các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành khác	

III.2.1.5 Nội dung công tác khảo sát xây dựng giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:

Khảo sát để lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi là thu thập những tài liệu cần thiết để làm cơ sở đánh giá về sự cần thiết phải đầu tư công trình, các thuận lợi và khó khăn, sơ bộ xác định vị trí, quy mô công trình và ước tính tổng mức đầu tư, chọn hình thức đầu tư cũng như sơ bộ đánh giá hiệu quả đầu tư về mặt kinh tế, xã hội của dự án, cụ thể như sau:

(1) Công tác chuẩn bị trong phòng:

- Nghiên cứu các văn bản liên quan đến nhiệm vụ lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi, xác định trên bản đồ các điểm khống chế chủ yếu của dự án (điểm đầu, điểm cuối, các điểm trung gian bắt buộc, các vùng cấm, vùng phải tránh,...);
- Đưa sơ bộ hướng tuyến hiện trạng vào dữ liệu thông tin địa lý (Map; GIS) để xác định sơ bộ hướng tuyến, đánh giá sơ bộ làm cơ sở triển khai vạch hướng tuyến sơ bộ trên Map, google và thể hiện trên có thể trên bản đồ tỷ lệ từ 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000;;
- Sơ bộ phân định các đoạn tuyến cùng địa hình;
- Trên các phương án tuyến đã vạch, tiến hành các công việc sau:
 - + Đánh số km trên từng phương án tuyến (theo hướng và thống nhất gốc tuyến);
 - + Phân đoạn các đoạn tuyến đồng nhất (chủ yếu về điều kiện địa hình) trên từng phương án tuyến;
 - + Sơ bộ xác định vị trí các cầu lớn để tính toán thủy văn và sơ bộ xác định khẩu độ cầu;
 - + Đánh giá khái quát ưu, khuyết điểm của từng phương án tuyến.

(2) Thị sát ngoài thực địa: cần tìm hiểu một số nội dung chủ yếu sau:

- Tình hình dân cư ở hai bên tuyến;
- Tình hình nguồn cung cấp và phương thức cung cấp VLXD cần thiết (cát, đá, xi măng,...) cho xây dựng công trình;
- Các yếu tố địa hình, địa chất, thủy văn trên tuyến, trong khu vực lân cận tuyến,...
- Kiểm tra các đoạn cùng địa hình đã được nghiên cứu, phân định trong phòng;
- Làm việc với các cơ quan địa phương, cơ quan có công trình liên quan đến dự án.

(3) Điều tra, thu thập tài liệu:

- Kinh tế xã hội;
- Quy hoạch liên quan;
- Tổng mức đầu tư;
- Đánh giá hiệu quả kinh tế;

- Phương án tài chính;
- Làm việc với các cơ quan địa phương, cơ quan có công trình liên quan đến dự án về hướng tuyến, kết nối giao thông và các giải pháp thiết kế chủ yếu;

(4) Khảo sát thực địa;

(5) Điều tra, thu thập số liệu về giao thông;

(6) Khảo sát sơ bộ đánh giá tác động môi trường.

III.2.1.5.1 Chuẩn bị trong phòng

a) Nội dung công việc:

- Mua bản đồ giấy 1:10.000, 1:25.000, 1:50.000: Phục vụ nghiên cứu tổng thể mạng lưới giao thông, phục vụ công tác báo cáo dự án (Mục 6.1.1.1 TCCS 31:2020/TCĐBVN);
- Mua số liệu mốc tọa độ và độ cao nhà nước từ hạng III trở lên: Mốc tọa độ nhà nước 04 mốc, mốc cao độ nhà nước 04 mốc (theo mục 4.7.4.3 TCCS 31:2020/TCĐBVN, cứ 20-30km phải khớp nối vào một độ cao nhà nước từ hạng III trở lên).

b) Nhân sự thực hiện: Nhân viên văn phòng.

c) Khối lượng thực hiện:

TT	Nội dung công việc	Đơn vị	Khối lượng	Ghi chú
1	Số liệu mốc tọa độ nhà nước	Điểm	147,83km / 10km = 14 điểm	Từ hạng III trở lên
2	Số liệu mốc độ cao nhà nước	Điểm	147,83km / 10km = 14 điểm	
3	Tài liệu bản đồ 1/10.000	Mảnh	147,83km / 5Km mảnh = 30 mảnh	

III.2.1.5.2 Thị sát, đối chiếu thực địa

a) Nội dung công việc:

- Thị sát thực địa: Thực hiện sau khi vạch hướng tuyến trên bản đồ ở trong phòng, đối chiếu các tài liệu đã thu thập với tình hình thực địa; bổ sung nhận thức về các yếu tố địa hình, địa chất, thủy văn, dân cư, môi trường; điều tra về tình hình ngập lụt, hiện trạng và quy mô nền mặt đường, hiện trạng công trình,... và sơ bộ đưa ra giải pháp nghiên cứu cho từng đoạn tuyến, qua đó lựa chọn phương án tuyến khả thi để tổ chức khảo sát, cần lưu ý:
 - + Tìm hiểu tình hình dân cư ở hai bên tuyến;
 - + Tìm hiểu tình hình nguồn cung cấp và phương thức cung cấp nguyên vật liệu cần thiết cho xây dựng công trình;

- + Rà soát sơ bộ các khu vực hiện trạng, đặc biệt các khu vực ngập lụt, khu vực dự kiến chỉnh tuyến,...
- + Xác nhận các đoạn đồng địa hình đã phân định trong phòng.
- Đối chiếu thực địa: Thực hiện sau khi có các giải pháp thiết kế sơ bộ, nhằm so sánh, đối chiếu thực địa để đánh giá sự phù hợp với các giải pháp thiết kế và các hướng tuyến.

b) Nhân lực thực hiện: Tổ chủ nhiệm gồm các Chuyên gia mức 1

- Chủ nhiệm lập BCNCTKT : 01 người;
- Chủ trì tính toán thủy văn : 01 người;
- Tổng : 02 người.
- Khối lượng: 2 người x (1 công / 6,1km x 147,83km) = 49,0 công

III.2.1.5.3 Thu thập số liệu, điều tra tình hình kinh tế - xã hội khu vực nghiên cứu

III.2.1.5.3.1 Thu thập, điều tra tình hình kinh tế - xã hội khu vực nghiên cứu

(1) Thu thập số liệu hiện trạng phát triển kinh tế - xã hội và các vấn đề có liên quan đến vùng nghiên cứu;

(2) Thu thập, điều tra hiện trạng kinh tế - xã hội của các tỉnh, huyện, thành phố trong khu vực nghiên cứu;

(3) Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô:

- GDP, tốc độ tăng trưởng GDP;
- Dân số, tốc độ tăng trưởng dân số;
- GDP/người, giá trị kim ngạch xuất khẩu;

(4) Hiện trạng phát triển một số ngành kinh tế chủ yếu:

- Nông, lâm, ngư nghiệp;
- Công nghiệp, xây dựng;
- Dịch vụ;

(5) Thu thập, điều tra tình hình quy hoạch kinh tế - xã hội:

- Định hướng phát triển kinh tế - xã hội của toàn quốc;
- Định hướng phát triển kinh tế - xã hội vùng nghiên cứu;

III.2.1.5.3.2 Thu thập tài liệu hiện trạng, quy hoạch khác có liên quan

(6) Hiện trạng, quy hoạch các đô thị;

(7) Hiện trạng, quy hoạch các khu công nghiệp;

(8) Hiện trạng và quy hoạch của các ngành: Thủy lợi, Năng lượng, Xây dựng, Du lịch,...và các quy hoạch khác cần thiết để phục vụ cho việc nghiên cứu dự án.

III.2.1.5.3.3 Thu thập, điều tra số liệu phục vụ công tác lập sơ bộ tổng mức đầu tư

- (9) Đơn giá xây dựng cơ bản;
- (10) Các loại chi phí sản xuất liên quan đến hoạt động giao thông vận tải;
- (11) Lạm phát và tỷ giá hối đoái của các năm trước;
- (12) Điều tra nguồn vật liệu, vật tư, năng lượng phục vụ xây dựng;
- (13) Điều tra, thu thập số liệu về điều kiện tự nhiên và môi trường;
- (14) Các văn bản và chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

III.2.1.5.3.4 Thu thập tài liệu phục vụ Đánh giá hiệu quả kinh tế

- (15) Hiệu quả kinh tế:
 - Giá trị gia tăng thuần;
 - Giá trị gia tăng gián tiếp;
- (16) Hiệu quả kinh tế - xã hội:
 - Giải quyết công ăn việc làm;
 - Phân phối thu nhập;
 - Cải thiện cán cân thanh toán.

III.2.1.5.3.5 Làm việc với các Sở, ngành và địa phương:

Làm việc với địa phương về hướng tuyến, kết nối giao thông và các giải pháp thiết kế chủ yếu theo các cấp như sau:

- Các Sở chuyên ngành liên quan trực tiếp (Sở Xây dựng, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Tài chính, Sở Công Thương);
- Ủy ban nhân dân các xã, phường (các phường: Đông Hòa, Buôn Hồ; các xã: Tây Hòa, Sơn Thành, Đức Bình, Sông Hinh, Ea Bá, Ea Ly, Cư Prao, Ea Knốp, Phú Xuân, Tam Giang, Krông Năng, Pong Drang)

STT	Cơ quan / Đơn vị làm việc	Nội dung thu thập, làm việc
1	Sở Xây dựng	- Thông tin, tài liệu bản đồ quy hoạch xây dựng vùng, đô thị, khu chức năng liên quan tuyến đường. - Thông tin, tài liệu chi giới đường đỏ, mốc giới xây dựng, quy hoạch cao độ nền. - Các quy hoạch có liên quan: Quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng, quy hoạch phân khu, quy hoạch kiến trúc và hạ tầng kỹ thuật đô thị. - Xác định yêu cầu về đầu nối hạ tầng kỹ thuật đô thị (điện, nước, thoát nước, chiếu sáng).

Nhiệm vụ khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng

Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 29 đoạn qua địa bàn tỉnh

		- Số liệu điều tra, dự báo lưu lượng giao thông từng thời kỳ.
2	Sở Nông nghiệp và Môi trường	- Thông tin, tài liệu quy hoạch sử dụng đất, ranh giới địa giới hành chính, loại đất bị ảnh hưởng. - Thu thập bản đồ địa chính, hồ sơ đất đai trong phạm vi tuyến. - Số liệu về hiện trạng sử dụng đất, môi trường, mỏ vật liệu (đất đắp, đá, cát, mỏ vật liệu xây dựng). - Làm việc về hệ thống thủy lợi, đê điều, kênh mương, vùng trồng trọt - lâm nghiệp bị ảnh hưởng. - Xin ý kiến nếu tuyến đi qua đất rừng, đất nông nghiệp, đê sông hoặc công trình thủy lợi hiện có. - Thu thập số liệu về điều kiện tự nhiên và môi trường; - Thu thập tình hình ngập lụt, xói lở... trong khu vực nghiên cứu - Trao đổi về phương án thoát nước, chống ngập, bảo vệ hành lang đê điều, kênh rạch. - Các văn bản và chính sách về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.
4	Sở Công Thương	- Thông tin, tài liệu quy hoạch công trình công nghiệp, năng lượng - Làm việc về các công trình năng lượng, đường điện, đường ống, trạm biến áp, đường dây cao thế, hạ tầng công nghiệp bị ảnh hưởng (nếu có) phải di dời khi dự án xây dựng - Xin ý kiến về phương án bảo vệ công trình năng lượng, cắt giao với đường dây điện cao thế hoặc ống dẫn dầu, khí. - Xác định vị trí nguồn điện cấp cho hệ thống chiếu sáng, tín hiệu giao thông.
6	Các đơn vị quản lý hạ tầng đô thị (điện lực, cấp thoát nước, viễn thông, điều	- Thông tin, tài liệu mạng cấp nước, thoát nước hiện có trên tuyến. - Xác định vị trí tuyến ống, cao độ, kích thước cấp thoát nước, hướng thoát nước.

	hành đô thị thông minh)	- Thông tin hệ thống thông tin liên lạc, viễn thông; - Thông tin mạng lưới các phương tiện giao thông, hệ thống quản lý đô thị (nếu có).
7	Ủy ban nhân dân địa phương nơi có dự án đi qua (các phường: Đông Hòa, Buôn Hồ; các xã: Tây Hòa, Sơn Thành, Đức Bình, Sông Hinh, Ea Bá, Ea Ly, Cư Prao, Ea Knốp, Phú Xuân, Tam Giang, Krông Năng, Pong Drang)	- Thu thập, điều tra hiện trạng kinh tế - xã hội của các tỉnh, xã phường trong khu vực nghiên cứu; - Các chỉ tiêu kinh tế vĩ mô; - Hiện trạng phát triển một số ngành kinh tế chủ yếu; - Thu thập, điều tra tình hình quy hoạch kinh tế - xã hội; - Khảo sát hiện trạng, xác định các khu vực nhạy cảm (trường học, nghĩa trang, di tích, nhà dân, đất công); - Thu thập tình hình ngập lụt, xói lở... trong khu vực nghiên cứu - Tham vấn người dân về tuyến đường, hướng tuyến, công tác bồi thường, tái định cư; - Điều tra, thu thập đơn giá bồi thường, phương án hỗ trợ địa phương; - Điều tra nguồn vật liệu, vật tư, năng lượng phục vụ xây dựng.
8	Cơ quan quản lý giao thông hiện hữu, các Chủ đầu tư công trình giao thông (nếu tuyến giao cắt hoặc mở rộng) (01 ban an toàn giao thông, 01 chủ đầu tư dự án cao tốc)	- Làm việc về hướng tuyến, đầu nối, phạm vi hành lang an toàn giao thông hiện hữu. - Xác định yêu cầu kỹ thuật tại vị trí giao cắt, cầu vượt, nút giao. - Xác nhận phương án tổ chức giao thông, an toàn tạm thời trong thi công. - Thu thập thông tin, số liệu và ý kiến đánh giá về tình hình tai nạn, điểm đen, vị trí nguy hiểm, đặc biệt dọc tuyến dự kiến đầu tư. - Đánh giá mức độ rủi ro an toàn giao thông của khu vực, tuyến đường, nút giao, cầu, cống hiện có

Kết thúc quá trình điều tra phải tổng hợp được Báo cáo về mạng lưới giao thông khu vực dự án; các định hướng, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội có liên quan đến dự án; hiện trạng kinh tế - xã hội của khu vực được các cấp chính quyền và cơ quan chuyên môn cung cấp.

III.2.1.5.3.6 Khối lượng dự kiến:

- Khối lượng làm việc, thỏa thuận với các Sở, ngành và địa phương: **03** Sở, ngành (Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường, Tài chính) và **14** địa phương (các phường:

Đông Hòa, Buôn Hồ; các xã: Tây Hòa, Sơn Thành, Đức Bình, Sông Hinh, Ea Bá, Ea Ly, Cư Pao, Ea Knốp, Phú Xuân, Tam Giang, Krông Năng, Pong Drang) x 2 công = 34 công.

- Mua niên giám thống kê các tỉnh, thành = 1 quyển.

III.2.1.5.4 Khảo sát thực địa

III.2.1.5.4.1 Khảo sát bình đồ

a) Nội dung công việc:

- Theo quy định Mục 6.1.2.2 TCCS 31:2020 TCĐBVN đo vẽ bình đồ tỷ lệ 1/5.000, đường đồng mức 2m, địa hình cấp IV trên cạn (Phụ lục B.12 TCCS 31:2020). Theo Mục 7.1.2.2 “Đối với tuyến nâng cấp cải tạo: tuyến qua địa hình đồng bằng, tuyến có điều kiện địa hình thuận lợi, đo vẽ từ tim tuyến sang mỗi bên từ 50m đến 100m (đối với đường cấp I, II) và từ 30m đến 50m (đối với đường từ cấp III đến cấp IV). Phạm vi đo vẽ theo tim đường hiện hữu ra mỗi bên 30m, đối với các đoạn chỉnh tuyến phạm vi đo vẽ từ tim ra mỗi bên 50m.
- Bình đồ nút giao từ tim nhánh nút giao ra biên ngoài mỗi bên 30m, chiều dài mỗi nhánh giao dự kiến 100m. 07 nút ngã ba (01 nút giao cao tốc, 03 nút giao với đường tỉnh, 03 nút giao với quốc lộ), 02 nút ngã tư với đường tỉnh.

b) Khối lượng dự kiến:

- Đo vẽ bình đồ trên cạn tỷ lệ 1/5.000, địa hình cấp IV: 1.079,22ha. Trong đó
 - + Phần tuyến chính: $142,04 \text{ km} \times 30\text{m} \times 2 = 852,22\text{ha}$
 - + Đoạn chỉnh tuyến: $22,10 \text{ km} \times 50\text{m} \times 2 = 221,00\text{ha}$
 - + Phần nút giao: $5 \text{ nút giao} \times 100\text{m} \times 2 \text{ nhánh} \times 30\text{m} \times 2 = 6,00\text{ha}$

III.2.1.5.4.2 Đo trắc dọc tuyến:

a) Nội dung công việc:

- Theo quy định Mục 6.1.2.2, 6.1.2.3, TCCS 31:2020 TCĐBVN cần phải thực hiện các công tác đo vẽ trắc dọc phạm vi toàn tuyến, cấp địa hình cấp IV (Phụ lục B.14, Phụ lục B.15 - TCCS31:2020). Hiện trạng tuyến theo đường hiện hữu địa hình tương đối thuận lợi do đó phạm vi đo vẽ trắc dọc tuyến chỉ áp dụng với các đoạn điều chỉnh tim tuyến so với đường hiện hữu. Các đoạn tuyến đi theo đường hiện hữu sẽ được tận dụng từ số liệu khảo sát bình đồ.

b) Khối lượng dự kiến:

- Đo vẽ trắc dọc trên cạn, tỷ lệ dài 1:5000, đứng 1/1000 địa hình cấp IV (đoạn chỉnh tuyến): 22,10 km
- Trắc dọc các đoạn tuyến bám theo đường hiện hữu sẽ tận dụng từ số liệu khảo sát bình đồ.

III.2.1.5.4.3 Đo trắc ngang tuyến:

a) Nội dung công việc:

- Đo vẽ trắc ngang tuyến 1/200: Theo quy định Mục 6.1.2.2, 6.1.2.3, TCCS 31:2020 TCĐBVN cần phải thực hiện đo vẽ mặt cắt ngang đại diện cho từng đoạn, tỷ lệ đến 1/500, và chỉ đo đặc 20% khối lượng đo mặt cắt ngang từng đoạn. Theo Mục 7.1.2.7 TCCS 31:2020 TCĐBVN, đối với đường nâng cấp cải tạo hoặc xây dựng mới thì phạm vi đo vẽ mặt cắt ngang từ tim tuyến ra mỗi bên từ 30m đến 50m. Hiện trạng tuyến theo đường hiện hữu địa hình tương đối thuận lợi do đó phạm vi đo vẽ trắc ngang tuyến chỉ áp dụng với các đoạn điều chỉnh tim tuyến so với đường hiện hữu. Các đoạn tuyến đi theo đường hiện hữu sẽ được tận dụng từ số liệu khảo sát bình đồ.
- Phạm vi đo vẽ sang mỗi bên 30m (tính từ tim tuyến điều chỉnh). Mỗi km ước tính có khoảng 10TN/Km (ưu tiên các cọc chủ yếu đường cong, địa hình, cọc H...)

b) Khối lượng dự kiến:

- Trắc ngang trên cạn tỷ lệ dài 1:500, đứng 1:500, địa hình cấp IV: $22,10 \text{ km} / 100\text{m} / 1 \text{ cọc} * 30\text{m} * 2 \text{ bên} = 13,26\text{km}$.

*** Kết thúc công tác đo đạc ngoài thực địa phải lập được các tài liệu sau**

- Bình đồ tuyến có đường đồng mức, có phác họa địa hình ở ngoài phạm vi đo đạc và ghi chú các công trình trên tuyến. Bình đồ vẽ theo mẫu hồ sơ quy định, tỷ lệ 1:5.000. Trường hợp khu vực tuyến dự kiến khảo sát đã có bản đồ địa hình tỷ lệ 1:5.000 thì có thể tận dụng mà không phải đo vẽ trực tiếp ngoài thực địa;
- Mặt cắt dọc các phương án tuyến, tỷ lệ 1:5.000;
- Mặt cắt ngang đại diện cho từng đoạn, tỷ lệ đến 1:500,
- Thuyết minh tình hình tuyến.

III.2.1.5.4.4 Khảo sát điều tra giải phóng mặt bằng

- Điều tra các công trình liên quan đến tuyến trong phạm vi giải phóng mặt bằng như các loại đất đai bị chiếm dụng và các tài sản trên đất (nhà cửa, công trình công cộng, cây cối,...) thống kê các hộ dân phải di chuyển, làm việc với chính quyền địa phương để có cơ sở lập khái toán đền bù giải phóng mặt bằng, tái định cư.
- Sau khi kết thúc công tác điều tra giải phóng mặt bằng (GPMB) phải thống kê được sơ bộ khối lượng dự kiến chủ yếu sau: tổng số hộ bị ảnh hưởng, khối lượng nhà, vật kiến trúc, cây cối, hoa màu bị ảnh hưởng, tổng diện tích từng loại đất bị ảnh hưởng (thổ cư, đất cây lâu năm, đất lúa,...). Các quyết định đơn giá bồi thường và quyết định phê duyệt đơn giá các dự án đã thực hiện.
- Khối lượng dự kiến:

- + Thu thập tài liệu rải thừa, quy hoạch và thị sát tuyến để kiểm tra dự kiến 1 công / 5 km: $1 \text{ công} \times (142,04\text{Km} + 22,10\text{km}) / 5\text{km} = 31 \text{ công}$.

III.2.1.5.4.5 Khảo sát địa chất công trình

Mục tiêu: Nhằm đánh giá tổng quan điều kiện địa chất trên tất cả các phương án tuyến đề xuất, không đi sâu vào chi tiết của từng phương án với các vấn đề cơ bản sau:

- Thị sát khu vực cùng với các nghiệp vụ khác của tổng thể;
- Tìm hiểu chi tiết nhiệm vụ kỹ thuật được giao, các văn bản có liên quan;
- Thu thập các tài liệu địa chất, địa chất công trình, lịch sử nghiên cứu trong vùng của các cơ quan chuyên ngành, trong đó lưu ý đến các số liệu địa chất các dự án lân cận đã triển khai xung quanh dự án;
- Thị sát, đánh giá sơ bộ địa chất các vị trí bố trí công trình hoặc các vị trí xung yếu;

Không tiến hành công tác khảo sát địa chất công trình trên thực địa. Nội dung của báo cáo địa chất công trình phải thỏa mãn các yêu cầu của thiết kế trong giai đoạn này. Cần nêu ra những vấn đề phải giải quyết trong giai đoạn sau.

Công tác điều tra, thị sát địa chất tại các vị trí bố trí công trình quan trọng, Thu thập các tài liệu địa chất, địa chất công trình, lịch sử nghiên cứu trong vùng của các cơ quan chuyên ngành với các dự án trong phạm vi 5km.

- Khối lượng dự kiến: $1 \text{ công} \times (142,04\text{Km} + 22,10\text{km}) / 10\text{km} = 16 \text{ công}$.

III.2.1.5.4.6 Khảo sát mỏ vật liệu xây dựng (VLXD)

1) Hiện nay tình trạng khan hiếm vật liệu xây dựng xảy ra trên diện rộng, vì vậy cần thiết phải làm việc với các địa phương thông qua Sở Nông nghiệp và Môi trường để thu thập thông tin về:

(a) Thông tin về quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản của tỉnh/thành phố đã được phê duyệt và đã được điều chỉnh, bổ sung đến thời điểm điều tra để xác định:

- Các khu vực khoáng sản làm VLXD đã được phê duyệt trong quy hoạch; quy mô, công suất khai thác theo quy hoạch được phê duyệt.
- Các khu vực khoáng sản làm VLXD chưa được phê duyệt trong quy hoạch.

(b) Số lượng, diện tích, tọa độ các khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản làm VLXD đang hoạt động của các tổ chức, cá nhân được cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp phép trên địa bàn;... để xác định: (1) các mỏ VLXD đang khai thác; (2) các mỏ VLXD đã hoặc đang thực hiện thăm dò; (3) các mỏ VLXD đã cấp Giấy phép thăm dò nhưng chưa thực hiện thăm dò; (4) các mỏ VLXD chưa được cấp Giấy phép thăm dò.

(c) Xác định khả năng cung cấp vật liệu từ các mỏ cho dự án bằng các văn bản làm việc với đơn vị quản lý, khai thác mỏ hoặc văn bản với cơ quan quản lý (UBND tỉnh/thành phố, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Xây dựng,...)

2) Căn cứ nhu cầu về VLXD của dự án, các thông tin thu thập được từ Sở Nông nghiệp và Môi trường các tỉnh/thành phố, xác định số lượng, vị trí các mỏ VLXD cần khảo sát phù hợp. Trong đó, cần phân loại cụ thể các mỏ VLXD đang khai thác và các mỏ VLXD chưa khai thác nằm trong quy hoạch của tỉnh/thành phố và chưa nằm trong quy hoạch. Trong số các mỏ VLXD chưa khai thác cần tiếp tục phân loại cụ thể các mỏ đã hoặc đang thực hiện thăm dò, các mỏ đã cấp Giấy phép thăm dò nhưng chưa thực hiện thăm dò, các mỏ chưa được cấp Giấy phép thăm dò.

- Đối với các mỏ VLXD đang khai thác: Cần làm việc với doanh nghiệp quản lý khai thác để xác định thời hạn Giấy phép khai thác, trữ lượng (trữ lượng theo Giấy phép khai thác và trữ lượng còn lại), công suất khai thác, quy mô khai thác, điều kiện thiết bị, khả năng cung cấp, giá thành,...
- Thực hiện khảo sát mỏ vật liệu theo yêu cầu của tiêu chuẩn cơ sở TCCS 31:2020/TCĐBVN: Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát, cụ thể như sau:
 - + Đối với các mỏ VLXD đang khai thác và các mỏ VLXD đã được cấp Giấy phép khai thác: Sơ họa vị trí mỏ VLXD, xác định khoảng cách từ mỏ đến tuyến, đường vận chuyển và loại đường vận chuyển; các thành phẩm tại mỏ; các nội dung cần phải điều chỉnh, bổ sung (nếu có) như: mở rộng phạm vi khai thác, nâng công suất khai thác, gia hạn Giấy phép khai thác, cải tạo đường vận chuyển,... Số liệu thí nghiệm đánh giá chất lượng vật liệu xây dựng (nếu có).
 - + Đối với các mỏ VLXD chưa được cấp Giấy phép khai thác (đã thăm dò và chưa thăm dò): Sơ họa vị trí mỏ VLXD, xác định khoảng cách từ mỏ đến tuyến, đánh giá trữ lượng VLXD và sơ bộ đánh giá chất lượng VLXD.

3) Trên cơ sở số liệu thu thập về các mỏ vật liệu. Tư vấn lập BCNCTK đánh giá tổng thể về nguồn nguyên, vật liệu thực tế. Từ đó, đề xuất các giải pháp thiết kế phù hợp.

*** Khối lượng điều tra và thí nghiệm sơ bộ về mỏ VLXD:**

- Điều tra, thu thập thông tin sơ bộ mỏ VLXD dự kiến: 1 công / 1 mỏ * (10 mỏ đất + 10 mỏ đá) = 20 công.
- Khối lượng nghiệm thu căn cứ vào kết quả điều tra thực tế của tư vấn.

III.2.1.5.4.7 Khảo sát thủy văn:

III.2.1.5.4.7.1 Thu thập tài liệu:

- Các loại bản đồ có tỷ lệ 1:100.000, 1:50.000, 1:25.000 và 1:10.000.
- Các số liệu về nhiệt độ, độ ẩm, gió,... với các đặc trưng lớn nhất, thấp nhất và trung bình tháng, năm của các năm quan trắc ở các trạm quan trắc (dùng theo QCVN 02:2022/BXD).
- Thu thập số liệu mực nước của các trạm quan trắc trong khu vực dự án:

- + Thu thập số liệu mực nước lớn nhất, nhỏ nhất tháng, năm của trạm trong khu vực dự án trong tối thiểu 20 năm.
- + Thu thập số liệu mực nước từng giờ trong tối thiểu 10 năm gần đây của các trạm trong khu vực dự án.
- Làm việc với địa phương và các cơ quan có liên quan về các công trình kênh, mương, đập, cống thủy lợi,... đang sử dụng và theo quy hoạch (nếu có) ảnh hưởng đến tuyến công trình. Sự ảnh hưởng của các công trình này tới chế độ thủy văn dọc tuyến và tình trạng thoát nước của công trình, các yêu cầu của các cơ quan này đối với việc xây dựng công trình.

*** Khối lượng dự kiến: Thu thập, mua số liệu mực nước:**

- Mua số liệu mực nước tại 1 trạm;
- Điều tra, làm việc với địa phương về kênh, mương, công trình thoát nước trên tuyến: $1 \text{ công} / 1 \text{ xã} * 11 \text{ xã} = 11 \text{ công}$.
- Khối lượng nghiệm thu căn cứ vào kết quả điều tra thực tế của tư vấn.

III.2.1.5.4.7.2 Chuẩn bị trong phòng:

- Nghiên cứu hướng tuyến trên bản đồ.
- Căn cứ vào bản đồ để phân đoạn tuyến thành các đoạn theo đặc điểm thủy văn như: vùng đồng bằng; đi ven sông, ven hồ; vùng có địa hình các-tơ hay lũ quét,...
- Xác định sơ bộ vị trí (lý trình) các khe suối, sông ngòi cắt qua tuyến đường; dự kiến các vị trí xây dựng cầu theo hướng tuyến đã xác định trên bản đồ.
- Dự kiến những vị trí cần xem xét ngoài thực địa.

III.2.1.5.4.7.3 Thăm sát ngoài thực địa:

- Căn cứ vào các tài liệu thủy văn đã thu thập, vào công tác chuẩn bị trong phòng đối chiếu với thực tế về tình hình: địa hình, địa mạo, tầng phủ, tình hình dòng chảy,...
- Cần đặc biệt quan tâm thăm sát ở những đoạn tuyến có chế độ thủy văn phức tạp ảnh hưởng đến việc lựa chọn hướng tuyến, quy mô công trình như: tuyến đi ven sông, qua vùng ngập lụt, qua vùng lũ quét, qua vùng chảy tràn trước núi, qua khu vực thượng, hạ lưu hồ chứa nước, tuyến qua sông lớn,... Ở những vị trí này cần sơ bộ điều tra một số thông số cơ bản như: mực nước lũ cao nhất, phạm vi ngập lụt, thời gian ngập lụt, nguyên nhân gây ngập lụt,...
- Phối hợp với các bộ môn có liên quan, nghiên cứu chọn vị trí các cầu lớn ngoài thực địa và điều tra các công trình hiện có ở thượng, hạ lưu công trình.
- Điều chỉnh, bổ sung các tài liệu, số liệu cần thu thập để lập Nhiệm vụ khảo sát, thu thập các số liệu khí tượng, thủy văn phục vụ cho công tác lập Báo cáo về thủy văn.

III.2.1.5.4.7.4 Khảo sát thủy văn dọc tuyến

- Điều tra sơ bộ mực nước đối với các đoạn tuyến đi ven sông, kênh rạch và qua vùng đồng trũng bị ngập lụt với khoảng cách 2km điều tra 01 cụm mực nước. Các mực nước cần điều tra là:
 - + Đối với tuyến đường đi ven sông: điều tra mực nước lũ lớn nhất dọc sông lớn, năm xuất hiện;
 - + Tuyến đường đi ven hồ: điều tra mực nước dâng cao nhất trong hồ, thời gian xuất hiện;
 - + Tuyến đường qua vùng đồng bằng: điều tra chiều sâu nước ngập lớn nhất nội đồng, năm xuất hiện;
 - + Tuyến đường đi ven biển: điều tra mực nước đỉnh triều cao nhất.

*** Khối lượng dự kiến: 1 công x (142,04Km + 22,10km) / 10 km / 1 cụm = 16 công**

III.2.1.5.4.7.5 Khảo sát thủy văn công trình thoát nước nhỏ, cầu trung

Số lượng và khẩu độ các công trình thoát nước nhỏ và cầu trung được dự kiến trên cơ sở các đặc điểm về địa hình, thủy văn,... và tham khảo các công trình hiện có trong khu vực nên không có yêu cầu về khảo sát thủy văn ngoài thực địa.

III.2.1.5.4.7.6 Khảo sát thủy văn cầu lớn

- Điều tra mực nước lũ lịch sử cao nhất, năm xuất hiện.
- Điều tra chế độ dòng chảy lũ ở khu vực cầu dự kiến.
- Tình hình diễn biến đoạn sông trong khu vực cầu dự kiến: diễn biến lòng sông, bãi sông qua các năm, nguyên nhân cũng như nhận xét sơ bộ về quy luật diễn biến đó.
- Tình hình cây trôi: dạng cây trôi, đường kính cây trôi lớn nhất, mực nước thường xuất hiện cây trôi.
- Tình hình thông thuyền: các phương tiện thường xuyên đi lại trên sông, tải trọng phương tiện, kích thước phương tiện vận tải.
- Xác định sơ bộ chiều rộng dòng chảy, chiều rộng bãi sông ứng với mức nước lũ lịch sử.
- Điều tra về các công trình hiện có ở thượng, hạ lưu công trình cầu dự kiến.

*** Hồ sơ khảo sát thủy văn có các nội dung chủ yếu như sau:**

- Phần 1: Giới thiệu chung gồm: Giới thiệu hướng tuyến. Một số địa danh, khu vực có liên quan đến tình hình thủy văn tuyến đường.
- Phần 2: Đặc điểm điều kiện tự nhiên của khu vực nghiên cứu như gồm: Điều kiện địa hình, địa mạo; Điều kiện khí hậu; Điều kiện thủy văn.

- Phần 3. Tình hình thủy văn dọc tuyến đường gồm: Tình hình thủy văn khu vực và tại các vị trí vượt sông, các đoạn tuyến qua vùng có chế độ thủy văn phức tạp: ven sông, ven biển, ven hồ; khu vực chảy tràn trước núi, qua đồng trũng,... Thống kê các vị trí và dự kiến khẩu độ cầu. Ý kiến về việc chọn các phương án tuyến theo góc độ chuyên môn về thủy văn. Những kiến nghị để triển khai công tác khảo sát thủy văn tuyến đường trong các bước tiếp theo.
- Phần 4. Phụ lục hồ sơ khảo sát thủy văn như: Các số liệu, tài liệu thu thập; Các số liệu, tài liệu khảo sát ngoài thực địa; Văn bản làm việc với các cơ quan có liên quan (nếu có).

III.2.1.5.4.8 Điều tra, thu thập lưu lượng giao thông

Thu thập lưu lượng trên các tuyến Quốc lộ 1, Quốc lộ 19C, cao tốc Bắc Nam, Quốc lộ 29 (của 2 tỉnh Đắk Lắk và Phú Yên trước sát nhập),... để có số liệu cơ bản báo cáo sự cần thiết đầu tư của tuyến đường, cũng như sơ bộ dự kiến quy mô xây dựng của dự án.

- Khối lượng dự kiến: 3 công / 1 tuyến * 5 tuyến = 15 công.

III.2.1.5.4.9 Điều tra, khảo sát sơ bộ đánh giá tác động môi trường

III.2.1.5.4.9.1 Điều tra môi trường

- Điều tra, khảo sát môi trường nhằm cung cấp đầy đủ thông tin về những vấn đề về môi trường trong khu vực có liên quan đến dự án (như các khu vực bảo tồn sinh thái, các vùng nhạy cảm về môi trường, các khu vực bãi đổ thải, xử lý chất thải,...), giúp cho cơ quan quản lý có quyết định đúng đắn về giải pháp thiết kế, đồng thời dự báo được những ảnh hưởng tích cực và tiêu cực của dự án đối với các hợp phần môi trường tự nhiên, xã hội và các hệ sinh thái để có biện pháp giảm thiểu phù hợp.
- Nội dung công việc cần thực hiện:
 - + Điều tra và thu thập quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội của khu vực hấp dẫn có liên quan đến dự án;
 - + Điều tra, thu thập các số liệu và tài liệu về:
 - Điều kiện tự nhiên: Vị trí địa lý và đặc điểm địa hình; đặc điểm khí hậu; tài nguyên nước; tài nguyên sinh thái - hệ động, thực vật; tài nguyên khoáng sản; khu bảo tồn; tài nguyên du lịch;
 - Điều kiện xã hội và kinh tế: Dân số và phân bố dân cư; thành phần dân tộc; đặc điểm kinh tế; nông, lâm, thủy sản; y tế và giáo dục.
- Kết quả khảo sát được tập hợp trong các báo cáo làm cơ sở lập Báo cáo đánh giá tác động môi trường.

III.2.1.5.4.9.2 Điều tra bãi chứa không thích hợp

- Thu thập thông tin và khảo sát các bãi chứa vật liệu không thích hợp đang hoạt động trong khu vực dự án;

- Khối lượng khảo sát thực hiện theo nguyên tắc đảm bảo đủ nhu cầu tập kết vật liệu không thích hợp của dự án.
- Với các bãi đổ vật liệu không thích hợp sẵn có dọc hướng tuyến, thỏa thuận nhu cầu san lấp tạo mặt bằng của địa phương hoặc hộ gia đình (có xác nhận của chính quyền địa phương). Biên bản thỏa thuận hoặc phiếu điều tra cần thể hiện các nội dung yêu cầu của chủ sở hữu bãi đổ thải (nếu có) như hoàn trả mặt bằng sau khi đổ thải, đền bù hoa màu, công trình, nhà cửa ... trước khi tiến hành đổ thải. Kết quả khảo sát cần thể hiện rõ vị trí, quy mô, trữ lượng còn lại của bãi đổ thải. Ngoài ra đối với bãi đang hoạt động cần khảo sát thông tin công suất và loại chất thải được phép tiếp nhận, đơn giá tiếp nhận (nếu có).
- Điều tra các vị trí bãi chứa vật liệu không thích hợp mới có khả năng chứa theo nhu cầu dự án: (1) xác định vị trí, diện tích bãi, (2) sơ bộ khối lượng nhà cửa, vật kiến trúc, mô mã, cây cối, hoa màu trên đất... tại các bãi (3) Các thông tin về khu vực bãi, hồ sơ pháp lý kèm theo (nếu có), các quy hoạch liên quan, ... (4) Các lưu ý đối với Chủ đầu tư, nhà thầu đề kiến nghị với chính quyền địa phương đối với việc thỏa thuận cho phép đổ vật liệu thừa tại các vị trí bãi (giải phóng mặt bằng, bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc, mô mã, cây cối, hoa màu trên đất...; xây dựng đường công vụ để kết nối vị trí bãi đổ thải với hệ thống giao thông khu vực; đánh giá tác động môi trường...).
- Vị trí, quy mô của bãi chứa vật liệu không thích hợp; xác định vị trí và bao khu vực bằng máy GPS cầm tay và thể hiện lên bản đồ tỷ lệ 1/25.000 hoặc sơ đồ duỗi thẳng.
- Xác định đường vận chuyển, chiều dài vận chuyển từ vị trí bãi chứa vật liệu không thích hợp đến công trường, văn bản thỏa thuận với địa phương; lưu ý cần xác định rõ tình trạng bề rộng, loại mặt đường để đảm bảo đủ cơ sở cho công tác tính dự toán.
- Vị trí bãi đổ thải được dự kiến trên nguyên tắc đảm bảo đủ trữ lượng tập kết vật liệu không thích hợp cho dự án.

III.2.2. Công việc giám sát khảo sát giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi

III.2.2.1 Phạm vi công việc:

- Thực hiện công tác giám sát khảo sát xây dựng giai đoạn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo đúng quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định hiện hành.
- Nội dung công việc thực hiện theo quy định Luật xây dựng số 50/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung theo Luật số 62/2020/QH14, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, Nghị định số 175/2024/NĐ-CP ngày 30/12/2024, Thông tư số 10/2021/TT-BXD ngày 25/8/2021.

III.2.2.2 Nhân sự chủ chốt thực hiện:

- Tư vấn giám sát trường.
- Tư vấn giám sát viên.

III.2.2.3 Sản phẩm tư vấn:

- Thuyết minh, báo cáo kết quả khảo sát xây dựng được ký duyệt.
- Hồ sơ quản lý chất lượng công việc khảo sát được ký nghiệm thu theo quy định.

III.2.2.4 Tiến độ công việc: Theo tiến độ khảo sát xây dựng.

III.2.2.5 Dự toán chi phí:

Tính toán theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, Thông tư số 11/2021/TT-BXD và Thông tư số 12/2021/TT-BXD. Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

III.2.3. Công việc lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:

III.2.3.1 Phạm vi công việc:

- Thu thập, nghiên cứu, phân tích văn bản pháp lý, quy hoạch, chiến lược phát triển ngành/lĩnh vực, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh, quy hoạch đô thị – để kiểm chứng tính phù hợp của dự án;;
- Thu thập, nghiên cứu, phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, địa hình, địa chất, thủy văn, tình hình phát triển kinh tế - xã hội, quy hoạch/kế hoạch phát triển của địa phương trong vùng dự án và lân cận.
- Xác định rõ chủ thể liên quan: Cấp quyết định chủ trương đầu tư, người quyết định đầu tư, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, cơ quan chủ quản, chủ đầu tư, nhà tài trợ, đơn vị quản lý khai thác.
- Phân tích, làm rõ được sự cần thiết đầu tư và các điều kiện để thực hiện đầu tư xây dựng.
- Phân tích, xác định rõ mục tiêu đầu tư;
- Phân tích, đánh giá các yếu tố kinh tế, kỹ thuật, định hướng phát triển và đề xuất quy mô, địa điểm và hình thức đầu tư xây dựng. Phương án thiết kế sơ bộ về xây dựng, thuyết minh, công nghệ, kỹ thuật và thiết bị phù hợp với tình hình thực hiện dự án có xem xét đến các yếu tố biến động nguồn nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu xây dựng đối với dự án.
- Tính toán, dự trù thời gian, tiến độ thực hiện dự án theo từng giai đoạn cụ thể. Trong mỗi giai đoạn thực hiện, cần nêu cụ thể các công việc phải tiến hành của dự án. Các đường găng quyết định trong mỗi giai đoạn.

- Tính toán khái toán tổng mức đầu tư, phương án huy động vốn; cơ cấu tài chính; khả năng hoàn vốn, trả nợ vốn vay (nếu có); xác định sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội và đánh giá tác động của dự án.
- Đánh giá sơ bộ tác động môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và nội dung khác theo quy định của pháp luật có liên quan. Đánh giá tác động của dự án đối với xã hội theo từng giai đoạn thực hiện dự án, sau khi hoàn thành...
- Dự kiến sơ bộ diện tích các loại đất trồng lúa, đất lâm nghiệp và các loại đất khác cần chuyển đổi mục đích sử dụng để làm dự án đầu tư xây dựng (nếu có).
- Đưa ra các dự báo kèm theo khuyến nghị, phương án ứng phó, giải pháp kỹ thuật đối với sự biến động khan hiếm nguyên, vật liệu trong thời gian thực hiện dự án.
- Lập thuyết minh báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và các bản vẽ thiết kế thể hiện sơ bộ kết cấu, giải pháp kỹ thuật chủ đạo.

III.2.3.2 Nhân sự chủ chốt thực hiện:

- Chủ nhiệm lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi có chứng chỉ hành nghề thiết kế đáp ứng quy định.
- Chủ nhiệm khảo sát xây dựng có chứng chỉ hành nghề khảo sát đáp ứng quy định.
- Chủ trì các bộ môn thiết kế có chứng chỉ hành nghề thiết kế tương ứng với lĩnh vực phụ trách đáp ứng quy định.
- Chủ trì lập sơ bộ tổng mức đầu tư có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng đáp ứng quy định.

Để đẩy nhanh việc khảo sát đáp ứng yêu cầu tiến độ công việc Nhà thầu có thể bố trí nhiều chức danh cho cùng một vị trí để đảm bảo công việc cho từng đoạn tuyến.

III.2.3.3 Yêu cầu về sản phẩm tư vấn:

Bao gồm các quy định tại Điều 53 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 sửa đổi bổ sung theo Luật số 62/2020/QH14; Điều 34 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 ngày 29/11/2024; Nghị định 242/2025/NĐ-CP, trong đó phải bao gồm các nội dung chính như sau: Căn cứ pháp lý và sự cần thiết đầu tư; Mục tiêu, phạm vi và quy mô dự án; Phù hợp quy hoạch và định hướng phát triển; Phân tích phương án kỹ thuật, công nghệ, thiết kế sơ bộ; Phương án tài chính: Tổng mức đầu tư, cơ cấu vốn; Đánh giá sơ bộ hiệu quả kinh tế - xã hội và tác động môi trường; Phương án GPMB, tái định cư, môi trường; Tiến độ thực hiện, kế hoạch bố trí vốn; Tổ chức thực hiện và năng lực các bên liên quan.

III.2.3.4 Thời gian thực hiện: Theo tiến độ quy định trong hợp đồng.

III.2.3.5 Sản phẩm tư vấn:

- Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi theo Điều 34 Luật Đầu tư công và Điều 53 Luật Xây dựng.
- Thiết kế sơ bộ theo Điều 40 Luật Xây dựng.
- Tổng mức đầu tư sơ bộ.
- Phụ lục tổng hợp các tài liệu pháp lý, quy hoạch, nghị quyết, quyết định, biên bản làm việc, xác nhận... liên quan đến dự án.
- Hồ sơ khảo sát mô vật liệu xây dựng.
- Thành phần: Đáp ứng số lượng hồ sơ, số bản chính và bản sao theo quy định hợp đồng.

III.2.3.6 Dự toán chi phí: Tính toán theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, Thông tư số 11/2021/TT-BXD, Thông tư số 12/2021/TT-BXD, Thông tư số 14/2023/TT-BXD và Thông tư số 09/2024/TT-BXD. Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

III.2.4. Công việc thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi:

III.2.4.1 Phạm vi công việc:

Thực hiện theo quy định của Luật Xây dựng 2014 sửa đổi bổ sung theo các Luật liên quan; Nghị định số 175/2024/NĐ-CP, Nghị định số 06/2021/NĐ-CP, Nghị định số 11/2020/NĐ-CP và các quy định hiện hành và phải bao gồm các nội dung chủ yếu như sau:

- Kiểm tra thành phần hồ sơ Báo cáo NCKT có đầy đủ, đúng biểu mẫu quy định (tờ trình, báo cáo, thiết kế sơ bộ, tổng mức đầu tư, phụ lục kỹ thuật, tài chính, môi trường).
- Kiểm tra tư cách pháp lý, năng lực của đơn vị lập báo cáo.
- Xem xét lý do đầu tư, tính cấp thiết của dự án.
- Đối chiếu với chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đầu tư công, quy hoạch ngành, vùng, địa phương.
- Kiểm tra phạm vi, quy mô, vị trí dự án có phù hợp quy hoạch xây dựng, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật – xã hội.
- Đánh giá khả năng bố trí đất, GPMB, hạ tầng kỹ thuật.
- Đánh giá phương án thiết kế sơ bộ, công nghệ, tiêu chuẩn kỹ thuật chủ yếu.
- Kiểm tra sự phù hợp quy chuẩn, tiêu chuẩn, tính khả thi về kỹ thuật, an toàn, môi trường.
- Kiểm tra cơ sở tính toán tổng mức đầu tư (đơn giá, khối lượng, suất vốn).
- Đánh giá cơ cấu nguồn vốn, hiệu quả kinh tế – xã hội sơ bộ.

- Lập Báo cáo thẩm tra, tổng hợp kết quả từng nội dung.
- Đưa ra kết luận: “Đủ điều kiện trình thẩm định” hoặc “Cần bổ sung, chỉnh sửa nội dung cụ thể”.

III.2.4.2 Nhân sự chủ chốt thực hiện:

- Chủ nhiệm thẩm tra có chứng chỉ hành nghề thiết kế đáp ứng quy định.
- Chủ trì thẩm tra các bộ môn thiết kế có chứng chỉ hành nghề thiết kế tương ứng với lĩnh vực phụ trách đáp ứng quy định.
- Chủ trì thẩm tra tổng mức đầu tư có chứng chỉ hành nghề định giá xây dựng theo quy định.

III.2.4.3 Sản phẩm tư vấn:

- Báo cáo kết quả thẩm tra báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.
- Phụ lục tổng hợp các ý kiến thẩm tra, giải trình thẩm tra các lần.
- Phụ lục tổng hợp các tài liệu pháp lý.
- Thành phần: Đáp ứng số lượng hồ sơ, số bản chính và bản sao theo quy định hợp đồng.

III.2.4.4 Thời gian thực hiện: Theo tiến độ quy định trong hợp đồng.

III.2.4.5 Dự toán chi phí: Tính toán theo quy định tại Nghị định số 10/2021/NĐ-CP, Thông tư số 11/2021/TT-BXD, Thông tư số 12/2021/TT-BXD, Thông tư số 14/2023/TT-BXD và Thông tư số 09/2024/TT-BXD. Chi tiết theo phụ lục đính kèm.

III.3. DỰ TOÁN CHI PHÍ THỰC HIỆN:

III.3.1. Căn cứ lập dự toán

- Nghị định số 10/2021/NĐ-CP ngày 9/2/2021 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/8/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu; Nghị định số 17/2025/NĐ-CP ngày 06/5/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu;
- Thông tư số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng; Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư

- số 11/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng;
- Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng về định mức xây dựng;
 - Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình;
 - Thông tư số 09/2024/TT-BXD ngày 30/8/2024 của Bộ Xây dựng ban hành về việc sửa đổi, bổ sung một số định mức xây dựng ban hành tại Thông tư số 12/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng;
 - Thông tư 004/2025/TT-BNV ngày 7/5/2025 của Bộ Nội vụ quy định về mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu.
 - Thông tư số 01/2025/TT-BXD ngày 22/01/2025 của Bộ Xây dựng về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 13/2021/TT-BXD ngày 31/8/2021 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định các chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật và đo bóc khối lượng công trình, Thông tư số 11/2021/TT-BXD hướng dẫn một số nội dung xác định và quản lý chi phí đầu tư xây dựng đã được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 14/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng;
 - Công văn số 344/SXD-KT&VLXD ngày 06/2/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công năm 2024 trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;
 - Quyết định số 109/SXD ngày 27/11/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên về việc công bố đơn giá nhân công xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên;
 - Quyết định số 110/SXD ngày 27/11/2023 của Sở Xây dựng tỉnh Phú Yên về việc công bố giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng trên địa bàn tỉnh Phú Yên;
 - Công văn số 228/SXD-KT&VLXD ngày 15/7/2025 của Sở Xây dựng tỉnh Đắk Lắk về việc hướng dẫn áp dụng đơn giá nhân công xây dựng, giá ca máy và thiết bị thi công sau sáp nhập địa giới hành chính;

III.3.2. Giá trị dự toán chi phí khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi và các chi phí liên quan: Theo hồ sơ dự toán đính kèm

Nhiệm vụ khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng

Dự án: Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 29 đoạn qua địa bàn tỉnh

III.4. Kết luận, kiến nghị

Trên đây là Nhiệm vụ khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi đầu tư xây dựng dự án Cải tạo, nâng cấp tuyến Quốc lộ 29 đoạn qua địa bàn tỉnh kính trình Cấp thẩm quyền xem xét, phê duyệt để triển khai thực hiện dự án ./.

Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế và XDGT 4



PHÓ GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Sơn

